

Số ~~661~~ /NSHN-TCKT  
V/v: Báo cáo giám sát năm 2020

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2021

**Kính gửi** : - Sở Tài chính Hà Nội  
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp

- Căn cứ Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát vốn nhà nước tại doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.
- Căn cứ Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội báo cáo Chi cục Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính về việc phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của Công ty năm 2020 như sau:

**1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020
Tổng nguồn vốn	3.370.341	3.454.953
Trong đó		
- Vốn góp của chủ sở hữu	3.078.040	3.117.117
- Quỹ đầu tư phát triển	255.219	295.538
- Nguồn vốn đầu tư XDCB	34.782	31
- Vốn khác	2.300	42.267

**Vốn chủ sở hữu trong kỳ đã được bảo toàn và phát triển.**

**2. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước**

**2.1 Hoạt động đầu tư các dự án**

(Biểu 02A – Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB).

**2.2 Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp**

Góp vốn vào Công ty cổ phần nước mặt Sông Đuống: số vốn đã góp 99.961 triệu đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.

Năm 2020, dự án đã hoàn thành giai đoạn 1 và cấp nước thương mại, tuy nhiên nhà máy chưa phát huy hết công suất, giá thành cao. Bên cạnh đó, do dự án chưa được phê duyệt phương án giá chính thức nên chưa có cơ sở báo cáo thành phố xem xét bù giá. Do vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty cổ phần Nước mặt Sông Đuống lỗ 266 tỉ đồng, lỗ lũy kế là 459 tỉ đồng. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính theo đúng quy định tại Thông tư 48/2020/TT-BTC ngày 8/8/2020 của Bộ Tài chính.

### 2.3 Huy động vốn và sử dụng vốn (phụ lục 02 A chi tiết kèm theo)

Việc cân đối nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ nguồn vốn ngắn hạn, dài hạn cho hoạt động bình thường của công ty.

Vốn vay được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, trả nợ đúng hạn. Công ty không có nợ quá hạn tại các tổ chức tín dụng.

### 2.4 Tình hình quản lý tài sản, quản lý nợ tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu

#### 2.4.1 Quản lý, sử dụng tài sản:

##### a. Quản lý tài sản ngắn hạn:

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản = 29,38 %
- Tiền và các khoản tương đương tiền là: 527.973 triệu đồng.
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là: 960.000 triệu đồng.
- Các khoản phải thu ngắn hạn là : 144.234 triệu đồng (chiếm 2,36 % tổng tài sản).
- Quản lý hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác: Hàng tồn kho 89.694 triệu đồng, tài sản ngắn hạn khác 74.786 triệu đồng.

##### b. Quản lý tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn/Tổng tài sản = 70,62%. Trong đó, chủ yếu là tài sản cố định.

##### c. Quản lý nợ phải trả:

- Đến 31/12/2020, nợ phải trả của Công ty là 2.571.637 triệu đồng chiếm 42,06 % tổng nguồn vốn, trong đó chủ yếu là khoản phải trả, phải nộp liên quan đến nguồn vốn ngân sách có hoàn trả, vay và nợ dài hạn.

Công ty đã mở sổ theo dõi nợ phải trả cho từng đối tượng theo quy định. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ theo Quyết định 869/NSHN-HĐTV ngày 10/6/2014. Công nợ được quản lý chặt chẽ, hàng năm việc đối chiếu công nợ được



560.373 triệu đồng, chi phí tài chính 131.617 triệu đồng, chi phí khác là 2.958 triệu đồng.

### 3.3 Kết quả sản xuất kinh doanh:

Tổng lợi nhuận trước thuế 155.404 triệu đồng.

Tổng lợi nhuận sau thuế 128.257 triệu đồng, bằng 100,2 % kế hoạch giao.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = 36,2%.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) = 2,1%

Đánh giá chung: Công ty đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì sự ổn định, khắc phục những khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu được UBND Thành phố HN giao trong năm 2020.

### 3.4 Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước kịp thời, đúng quy định.

Tổng nộp ngân sách trong năm 2020 là 254 tỷ đồng.

### 3.5 Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán theo đúng quy định. Công ty đã thực hiện tạm trích các quỹ và nộp lợi nhuận còn lại năm 2020 vào ngân sách nhà nước. Trên cơ sở báo cáo giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động, Công ty sẽ thực hiện trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt chính thức về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo quy định.

## **4. Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết, đầu tư khác.**

Đến 31/12/2020, Công ty thực hiện đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết như sau:

### 4.1 Công ty con:

- Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội: vốn góp 548.914 triệu đồng, chiếm 96,64% vốn điều lệ. Hiện Công ty đang đề nghị UBND thành phố Hà Nội dừng thoái vốn theo kế hoạch 168/2016/KH-UBND để thực hiện cổ phần hóa cùng với Công ty Nước sạch Hà Nội (công ty mẹ) theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 15/8/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020.

- Đã hoàn thành thoái 100% vốn nhà nước tại các công ty con theo kế hoạch:

+ Công ty cổ phần Sản xuất và kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội: vốn góp 36.087 triệu đồng, chiếm 65,61% vốn điều lệ. Thực hiện chủ trương của nhà nước và của thành phố, tháng 2/2018, Công ty đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn đầu tư của

lý doanh nghiệp và kiểm soát viên theo hướng dẫn của Liên sở đề trình chủ sở hữu phê duyệt theo quy định.

- Công ty đã xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2020, báo cáo Sở LĐTBXH, đang chờ thẩm định phê duyệt theo quy định.

- Công ty đã tạm thanh toán tiền lương cho người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên năm 2020 đạt 80% số đã trích, sau khi có kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ sẽ báo cáo chỉ sở hữu quyết toán phần còn lại theo quy định.

- Công ty đã ban hành Quy chế quản lý các khoản thù lao, tiền thưởng của người đại diện phần vốn tại các công ty cổ phần theo quy định. Việc hạch toán và chi trả được thực hiện theo quy định.

Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội kính báo cáo Sở Tài chính, Chi cục tài chính doanh nghiệp.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: VT, TCKT

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH  
VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Quốc Hùng*



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án			Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2020			Giải ngân năm 2020			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng														
			A	B	C		KT	KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%		Vốn huy động	%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ Năm 2020	Đến 31/12/2020	Kỳ trước chuyển sang		Thực hiện trong kỳ Năm 2020	Đến 31/12/2020												
<b>TỔNG CỘNG</b>																						1.164.809	855.531	73%	309.278	27%	-	-	0,0%	85.296	3.438	88.734	320.482	169.503	489.985	115.392
I	Các dự án nguồn						29.000	29.000	100%	-	0%	2020																								
A	Các dự án nhóm B																																			
	Không có																																			
B	Các dự án nhóm C và BCKTKT																																			
1	Xây dựng lắp đặt khu công nghệ thu hồi nước rửa lọc của NMN Ngõ Sỹ Liên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x	8.000	8.000	100%	-	0%	2020																								
2	Xây dựng lắp đặt khu công nghệ thu hồi nước rửa lọc của NMN Lương Yên	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x	8.000	8.000	100%	-	0%	2020																								
3	Cải tạo tại nhà Clo, xây bổ sung nhà chứa hóa chất của các NMN Yên Phụ, Ngõ Sỹ Liên, Mai Dịch, Lương Yên, Ngọc Hà	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x	10.000	10.000	100%	-	0%																									
4	Xây dựng bổ sung 01 bể trung gian thu hồi nước rửa lọc để đảm bảo công tác sản xuất của NMN Nam Dư	Cải tạo dây chuyền xử lý nước				x	3.000	3.000	100%	-	0%	2020																								
II	Các dự án Chống TTTT						618.859	438.985	71%	179.874	29%					85.296	781	86.077	57.665	128.177	185.842	92.174														
A	Các dự án nhóm C và BCKTKT																																			
1	Cải tạo MLCN - chống TTTT Ô16A - Đống Đa	Cải tạo tuyến ống PP và Dịch vụ . Số KH : 12,839 KH				x	79.939	37.119	46%	42.820	54%	2019-2020				64.831	-	64.831	48.009	9.821	57.830	59.600														
2	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực Ô7 còn lại - quận Tây Hồ	Cải tạo tuyến ống PP và Dịch vụ . Số KH : 3,601 KH				x	25.022	25.022	100%	-	0%	2019-2020				19.968	-	19.968	8.483	9.306	17.789	18.345														
3	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực Ô21 Hai Bà Trưng	Cải tạo tuyến ống PP và Dịch vụ . Số KH : 16,120 KH				x	118.991	54.292	46%	64.699	54%	2019-2020				603	603	603	49.790	50.393																
4	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thu khu vực Ô19D Hai Bà Trưng	Cải tạo thay thế đồng hồ					39.540	39.540	100%	-		2019-2020							-	119	119															
5	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô5 A+B - Cầu Giấy	Cải tạo tuyến ống PP và Dịch vụ . Số KH : 10,360 KH				x	83.144	83.144	100%	-	0%	2019-2020				497	73	570	570	35.813	36.383															
6	Cải tạo HTCN tuyến PP và dịch vụ Ô5D - Cầu Giấy	Cải tạo thay thế đồng hồ					61.555	61.555	100%	-		2019-2020							-	1.136	1.136															

STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2020			Giải ngân năm 2020	Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng			
			A	B	C	KT KT		Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ Năm 2020	Đến 31/12/2020			Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ Năm 2020	Đến 31/12/2020
7	Cải tạo MLCN - chống TTTT Ô14 - Đống Đa	Cải tạo thay thế đồng hồ					89.414	49.759	56%	39.655		2019-2020							-	2.363	2.363			
8	Cải tạo MLCN, chống TTTT khu DMA1a- Ô19 - Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ				404/NSHN-CTCN	12.897	12.897	100%	-		2020				52	52		-	10.028	10.028	7.300		
9	Cải tạo MLCN, chống TTTT khu DMA1b- Ô19 - Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ				454/NSHN-CTCN	12.679	12.679	100%	-		2020				53	53		-	9.801	9.801	6.929		
10	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực DMA2 - Ô19 Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ					81.750	49.050	60%	32.700		2020-2021												
11	Cải tạo MLCN và chống thất thoát thất thu khu vực Ô Đền Lừ - Hoàng Mai	Cải tạo thay thế đồng hồ					13.928	13.928	100%	-		2020-2021												
III	Các dự án Cải tạo MLCN						487.917	358.513	73%	129.404	27%	2.020	-	-	-	-	-	-	249.050	22.669	271.719	-		
A	Các dự án nhóm B																							
1	Xây dựng HTC các KV còn lại huyện Thanh Trì (Phạm vi công ty NSHN quản lý)	Xây dựng 2.190m ống truyền dẫn DN1000; 11.834m ống truyền dẫn DN300-DN500; 70.166m ống phân phối DN100-DN250; 122.220m ống dịch vụ D50-D63; 12.222 bộ đồng hồ CNVN;	x				440.917	311.513	71%	129.404	29%	2013-2014							249.050	21.584	270.634			
B	Các dự án nhóm C và BCKTKT																							
1	Xây dựng MLCN khu vực còn lại thuộc xã Ngũ Hiệp và Từ Hiệp - huyện Thanh Trì	Xây dựng mới MLCN		x			20.000	20.000	100%	-	0%	2020								1.085	1.085			
2	Bổ sung điểm đầu và tuyến ống truyền dẫn cấp nước cho khu vực thị trấn Quang Minh, Chi Đông - huyện Mê Linh	Xây dựng mới MLCN					27.000	27.000	100%	-	0%	2020-2021												
IV	Các dự án khác						29.033	29.033	✓	-	-	6.060	-	-	-	-	2.657	2.657	13.767	18.657	32.424	23.218		
A	Các dự án nhóm C và BCKTKT																							
1	Xây dựng tuyến ống cấp nước bổ sung nguồn nước cho Trạm CN Bạch Mai	Bổ sung tuyến ống để tăng cường cấp nước				2452/NSHN-CTCN	7.133	7.133	100%	-	0%	2019-2020				2.657	2.657	94	6.622	6.716	6.307			
2	Xây dựng tuyến ống cấp nước bổ sung nguồn nước cho NMN Hạ Đình	Bổ sung tuyến ống để tăng cường cấp nước					15.000	15.000	100%	-	0%	2020							-	2.433	2.433			
3	Xây dựng tuyến ống cấp nước bổ sung nguồn nước cho NMN Pháp Vân	Bổ sung tuyến ống để tăng cường cấp nước					6.000	6.000	100%	-	0%	2020							-	4.153	4.153	4.061		
4	Xây dựng phần mềm Quản lý dự án cho các đơn vị đại diện chủ đầu tư	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý					900	900	100%	-	0%	2020							-	682	682			



STT	Tên dự án	Quy mô công suất	Nhóm dự án				Quyết định phê duyệt	Tổng mức đầu tư					Thời gian đầu tư theo KH	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện năm 2020			Giải ngân năm 2020			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng	
			A	B	C	KT		KT	Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động		%	Tổng số	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ Năm 2020	Đến 31/12/2020	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ Năm 2020		Đến 31/12/2020
5	Đầu nối bổ sung cải tạo MLCN, nâng cấp các NMN đảm bảo kết nối mạch vòng, cấp nước an toàn, an ninh nguồn nước, giảm dần khai thác nước ngầm theo Quy hoạch																			470	470			
6	Di chuyển TO nước thô HDPE DN280 giếng H32, H33 NMN Ngõ Sý Liên PV GPMB nhà gà S11																			274	274			
7	Xây dựng MLCN cho các xã Phú Lễ, Phú Minh, Mai Đình- huyện Sóc Sơn																		4.855	146	5.001			
8	Di chuyển đường ống nước thô D400 hiện có dưới cầu Văn Điển (vốn sửa chữa lớn)																		5	287	292	295		
9	Di chuyển tuyến ống cấp nước D280, D400 Công ty Nước sạch Hà nội quản lý (vốn ngân sách TP)																		8.813	3.590	12.403	12.555		

Ghi chú: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền. Các dự án nêu trên là dự án do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp

Người lập biểu  
(Ký)



Ban quản lý dự án đầu tư công trình cấp nước  
(Ký)



Tổng giám đốc  
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Quốc Hùng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn điều lệ 31/12/2020	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty liên kết	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con công ty liên kết
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					2019	2020	2019	2020				
		Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/19	Tại thời điểm 31/12/20	Kế hoạch	Tại thời điểm 31/12/19	Tại thời điểm 31/12/20										
1	2	3	5	5	6	8	8	9	10	12	12	13	14	15	16	17	18
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>																
1	CTCP Nước sạch số 2 Hà Nội		548,914	548,914		96.64%	96.64%	568,000	568,000	445,955	452,557	12,987	13,367			> 1	1.14
<b>II</b>	<b>Công ty liên kết</b>																
1	CTCP Viwaco		19,655	37,924		23.70%	23.70%	160,000	373,992	634,540	653,276	83,184	72,053			> 1	1.07
2	CTCP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Nước sạch Hà Nội		2,000	2,000		20.00%	20.00%	10,000	10,020	16,110	18,941	9	11			> 1	1.46
3	CTCP nước mặt Sông Hồng		46,482	46,482		8.38%	8.38%	554,655	272,280	3	1	(1,082)	-				1.36
4	CTCP Tháp nước Hà Nội		59,340	59,340		30.00%	30.00%	197,800	338,638	1,573,457	656,312	84,253	56,585			0.53	1.25
<b>III</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>		576,961	1,059,961	-	0	0	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
1	CTCP nước mặt Sông Đuống		99,961	99,961		5.00%	10.00%	999,610	547,475	235,550	233,921	(192,077)	(265,750)			>1	7.25
2	Đầu tư tài chính khác		477,000	960,000													

Ghi chú:

Cột "3" đến "8": số vốn góp, vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty con, công ty liên kết, giá gốc của các khoản đầu tư

Cột "9": Vốn Điều lệ của công ty con, công ty liên kết

Cột "10": Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm báo cáo



Cột "11" và "12": doanh thu của công ty con, công ty liên kết

Cột "13" và "14": Lợi nhuận của công ty con, công ty liên kết

Cột "15": Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp

Các cột có đánh dấu x không cần điền dữ liệu

### **Đánh giá của doanh nghiệp**

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư vốn tại công ty con, công ty liên kết: Đến hết tháng 12/2019, việc đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết đúng quy định. Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động ổn định. Đối với các công ty đang thực hiện triển khai xây dựng (Công ty CP Nước mặt Sông Hồng) đã có bộ máy tài chính kế toán hoàn chỉnh, thực hiện các hoạt động đầu tư theo đúng quy định pháp luật.

Đánh giá của doanh nghiệp về hiệu quả đầu tư tài chính năm báo cáo: Các công ty con, công ty liên kết đều hoạt động kinh doanh có lợi nhuận.

Đối với khoản đầu tư góp 10% vốn cổ phần tại Công ty CP Nước mặt Sông Đuống: đến thời điểm hiện tại, Công ty Sông Đuống đã chính thức phát nước thương mại, vận hành hệ thống bán buôn nước ổn định. Do dự án chưa được thành phố phê duyệt giá bán buôn chính thức nên tính đến thời điểm hiện tại, Công ty CP Nước mặt Sông Đuống đang lỗ lũy kế. Công ty Nước sạch Hà Nội đã thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

Công ty còn đầu tư tài chính qua việc gửi tiền ngân hàng, các khoản này chủ yếu gửi ngắn hạn và sẵn sàng để đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các ngân hàng dịch vụ là các ngân hàng ổn định tài chính, có uy tín.

**Người lập biểu**

(Ký)



Trần Hoài Hương

**Tổng Giám đốc**

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Quốc Hùng*

**TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2018	Cùng kỳ năm 2019	Thực hiện năm 2020		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2018	Cùng kỳ năm 2019	Kế hoạch năm
	2	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
<b>A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh</b>							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	229,901,764	227,125,623	234,196,323	226,715,962	98.61%	99.82%	96.81%
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	192,687,398	191,609,193	200,389,590	190,993,021	99.12%	99.68%	95.31%
3. Tồn kho cuối kỳ							
<b>B. Chi tiêu tài chính</b>							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,582,055	1,686,687	1,749,179	1,644,286	103.93%	97.49%	94.00%
2. Giá vốn hàng bán	621,360	796,857		806,534	129.80%	101.21%	
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	960,695	889,830		837,687	87.20%	94.14%	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	194,933	51,069	35,202	75,125	38.54%	147.10%	213.41%
5. Chi phí tài chính	74,162	120,538		131,618	177.47%	109.19%	
6. Chi phí bán hàng	557,507	570,998		560,373	100.51%	98.14%	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	97,666	74,657		75,174	76.97%	100.69%	
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	426,293	174,706		145,647	34.17%	83.37%	
9. Thu nhập khác	778	193	0	12,715	1634.32%	6588.08%	



Nội dung	Cùng kỳ năm 2018	Cùng kỳ năm 2019	Thực hiện năm 2020		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch	Thực hiện	Cùng kỳ năm 2018	Cùng kỳ năm 2019	Kế hoạch năm
	2	2	3	4	5=(4)/(1)	6=(4)/(2)	7=(4)/(3)
10. Chi phí khác	12,464	512		2,958	23.73%	577.73%	
11. Lợi nhuận khác	-11,686	-319		9,757	-83.49%	-3058.62%	
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	414,607	174,387	153,504	155,404	37.48%	89.11%	101.24%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	83,074	30,295	25,501	25,828	31.09%	85.25%	101.28%
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				1320			
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	331,533	144,092	128,003	128,256	38.69%	89.01%	100.20%

Ghi chú: Cột (1), (2): Theo BCTC các năm trước liền kề năm Báo cáo. Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính

Người lập biểu  
(Ký)



Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Quốc Hùng

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 115/12/2015 của Bộ Tài chính)

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm?	m3	234,196,323	226,715,962	96.81%	99.82%
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?	m3	-	-		
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?		-	-		
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	trđ	1,470,263	1,402,614	95.40%	131.90%
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	trđ	1,714,627	1,606,640	93.70%	124.65%

Người lập biểu

(Ký)

Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Hùng



**A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế môn bài		11,000,000	11,000,000	-
- Thuế GTGT	(73,906,050,936)			(73,906,050,936)
- Thuế TNDN	(4,784,863,937)	27,147,588,953	21,647,555,173	715,169,843
- Thuế đất	-	9,765,111,252	9,765,111,252	-
- Thuế Tài nguyên	357,083,200	64,026,874,000	58,881,926,800	5,502,030,400
- Thuế Thu nhập cá nhân	(45,483,852)	1,082,178,426	971,209,428	65,485,146
2. Các khoản phải nộp khác				
- Nộp phạt			394,998,265	
- Phí, lệ phí	(322,807,943)	135,229,543,164	123,097,500,047	11,809,235,174
- Các khoản phải nộp khác	50,955,655,861	17,970,048,044	5,190,958,000	63,734,745,905
3. Nộp Ngân sách nhà nước phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định			37,366,872,513	

## B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ Đầu tư phát triển	255,219,569,505	43,326,992,243	3,007,839,320	295,538,722,428
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	90,693,218,088	57,569,170,943	71,170,682,955	77,091,706,076
3. Quỹ thưởng VCQLDN	415,362,245	255,178,281	62,166,667	608,373,859
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	74,680,000,000	9,500,000,000	1,500,000,000	82,680,000,000

**Ghi chú:** Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu  
(Ký)

Trần Hoài Hương

Tổng Giám đốc  
(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Quốc Hùng*

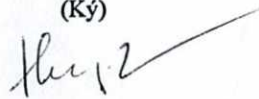


KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG DNNN THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2020

Tên doanh nghiệp	Cơ quan cấp trên trực tiếp	Loại hình DN		Chỉ tiêu 1			Chỉ tiêu 2				Xếp loại	Chỉ tiêu 3			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại	Chỉ tiêu 4	Chỉ tiêu 5	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của viên chức quản lý		Xếp loại hoạt động viên chức quản lý doanh nghiệp			Xếp loại doanh nghiệp 2020		
		DN 100% vốn NN	CTCP trên 50% vốn NN	Doanh thu và thu nhập khác (tr.đồng)			Lợi nhuận (tr.đồng)		Vốn CSH bình quân (tr.đồng)			Tỷ suất LN/Vốn CSH (%)		Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Tình hình chấp hành pháp luật hiện hành	Tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích	Thực hiện tốt	Không thực hiện tốt	Hoàn thành xuất sắc NV	Hoàn thành NV	Không hoàn thành NV			
		Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Xếp loại	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020		Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TSNH (tr.đồng)			Nợ NH (tr.đồng)	TSNH /NNH (lần)	Xếp loại	Xếp loại						
Tổng công ty, công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con																										
CT TNHH MTV Nước sạch Hà Nội (CT mẹ)	UBND Thành phố Hà Nội	X		1 784 381	1 732 062	B	128 003	128 257	3 416 597	3 411 132	3.750%	3.76%	A	1 796 688	669 999	2.68	0	A	A	A	X		X			A

Người lập biểu

(Ký)



Trần Hoài Hương

Công ty Nước sạch Hà Nội

(Ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Quốc Hùng*